



景文科技大學

JINWEN UNIVERSITY OF SCIENCE & TECHNOLOGY

113 學年度國際學生產學合作專班
申請入學招生簡章

**2024New Southbound Industry-Academia Collaboration
Special Programs Application Information**

**Tài Liệu Hướng Dẫn Tuyển Sinh Dành Cho Sinh Viên
Quốc Tế Lớp Chuyên Ban Hợp Tác Đào Tạo Giữa Nhà
Trường - Doanh Nghiệp Năm Học 2024**

依據 教育部 106 年 09 月 08 日臺教技（一）字第 1060122307B 號函核定之招生規定訂定
113 年 04 月 11 日 113 學年度招生委員會第 11 次會議通過

校址：231307 新北市新店區安忠路 99 號

Address：No.99, Anzhong Rd., Xindian Dist., New Taipei City 231307, Taiwan

Website： <http://www.just.edu.tw/>

TEL:886-2-82122000 #2203, 2207, 2104

目 錄/ Table of Contents/ Mục lục

一、重要日程表/ Key Dates for Admission/ Thời gian tuyển sinh.....	1
二、獎學金/ Scholarship/ Học bổng.....	2
三、申請資格/ Eligibility/ Điều kiện đăng ký	3
國籍/ Nationality/ Quốc tịch.....	4
四、招生系所及招生名額/ Programs & Quota and Credit Requirement/ Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu.....	6
修習學分規定/ Credits Requirement/ Quy định về học phần.....	6
五、申請日期/ Application Deadline/ Thời hạn nộp hồ sơ	7
六、報名方式/ How to Apply/ Cách thức nộp hồ sơ	7
線上申請上傳所需資料/ Apply online and upload required information/ Danh sách giấy tờ cần có	7
七、評分方式及錄取原則/ Scores Calculation/ Tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tuyển chọn.....	8
放榜及錄取名單公告/ Exam Result Announcement/ Công bố danh sách trúng tuyển.....	8
八、錄取公告、成績複查/ Admission Results and Grade Appeal/ Công bố danh sách trúng tuyển, phúc tra hồ sơ.....	9
九、申訴程序/ Complaints/ Thủ tục khiếu nại	9
十、註冊入學/ Enrollment Registration/ Thủ tục nhập học.....	9
十一、收費標準/ Fees/ Các khoản phí.....	10
十二、休、退學退費注意事項/ Important Notes on Leave of Absence, Withdrawal, and Refund / về Việc Nghỉ học, Rút học và Hoàn trả học phí	12
專科以上學校學雜費退費基準/ Criteria for Refund of Tuition and Fees for Colleges and Above/ Tiêu chí hoàn trả học phí và các khoản phí cho các trường đại học và cao hơn	12
十三、其他申請注意事項/ Related Information/Những điều cần chú ý khi nộp hồ sơ.....	13
相關單位聯絡資訊/ Contact Information for Related Units/ Thông tin liên lạc.....	13
校區平面圖/ Map of Campus/ Bản Đồ Khuôn Viên Trường.....	13
景文科技大學交通位置圖/ Location Map of Jinwen University of Science & Technology / Bản Đồ Giao Thông tại Đại học KHKT Cảnh Văn	13
切結書/DEPOSITION/ Giấy cam kết	19
景文科技大學國際產學專班學生入學前須知事項/ Notice for Students of Special International Program of Jinwen University of Science and Technology (JUST) / Các việc cần chú ý trước khi nhập học của Sinh viên chuyên ban Đại học KHKT Cảnh Văn.....	21
授權書/ Letter of Authorization/ Thư ủy quyền	23

一、重要日程表/ Key Dates for Admission/ Thời gian tuyển sinh

項目 / Items/ Hạng mục	日期 / Dates/ Thời gian
線上報名 Online Application Đăng ký trực tuyến	113年05月01日（三）至06月30日（日）前 From May 1~ June 30, 2024 Từ ngày 1 tháng 5 đến ngày 30 tháng 6
審核或甄試 Review of applications and interview Thẩm định hoặc thi xét duyệt	113年07月01日（一）至07月21日（日） From July 1~ July 21, 2024 Từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 21 tháng 7
公告錄取名單 Announcement of Results Thông báo danh sách trúng tuyển	113年08月01日（四） August 1, 2024 Ngày 1 tháng 8
寄發入學許可 Mailing of admission letter Gửi Thư nhập học	113年08月08日（四） August 8, 2024 Ngày 8 tháng 8

※因疫情影響，面試時間可能推遲，公告錄取名單及寄發入學許可時間亦將連帶延後。

Because of COVID-19 pandemic, the date of interview might be delayed. Consequently, other related work might also be postponed.

Do đại dịch COVID-19, ngày phỏng vấn có thể bị trì hoãn. Do đó, các công việc liên quan khác cũng có thể bị hoãn lại.

二、獎學金/ Scholarship/ Học bổng

臺灣獎學金：外國學生得於入境前向中華民國（臺灣）駐外單位或代表處申請政府核發之「臺灣獎學金」，有關獎學金訊息請參考教育部國際文教處網頁：

Taiwan Scholarship: Students can apply the scholarship in the Taiwan embassy or representative office of their home countries. For details, visit the website:

Học bổng Bộ giáo dục Đài Loan: Sinh viên xin Học bổng này tại Văn phòng đại diện Đài Loan ở Việt Nam. Xin vui lòng xem thêm thông tin trang Web của Bộ Giáo Dục Đài Loan: <https://reurl.cc/j38Gj2>

為鼓勵學生安心向學，本校對專班學生提供學費減免獎助辦法如下。

Scholarship will be provided to students of the special programs to lessen their financial burden.

Đề động viên sinh viên yên tâm học tập, trường chúng tôi có chương trình miễn giảm học phí dành cho sinh viên như sau:

已入學之第二學年國際專班學生無欠繳學雜費者

Year 2 students who pay off all fees:

Sinh viên quốc tế nhập học từ năm thứ hai trở đi trong tình trạng không nợ tiền học phí, tạp phí:

- (1) 前一學期全班學業成績前 5% 且操行成績 80 分以上者，當學年度商業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 35,000 元整，工業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 37,000 元整。

Students who ranked in the top 5% of their class academically in the previous semester and achieved a conduct score of 80 or above are eligible for a scholarship of NT\$35,000 per semester for students in the commerce department and NT\$37,000 per semester for students in the industrial department for the academic year.

Học kỳ trước điểm thành tích xếp thứ tự 5% của lớp và điểm hạnh kiểm trên 80 điểm, thì đối với những khoa thuộc ngành thương nghiệp sẽ nhận được học 35,000 Đài tệ, đối với những khoa thuộc ngành công nghiệp sẽ nhận được học bổng 37,000 Đài tệ.

- (2) 前一學期全班學業成績前 10% 且操行成績 80 分以上者，當學年度商業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 17,000 元整，工業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 18,000 元整。

Students who ranked in the top 10% of their class academically in the previous semester and achieved a conduct score of 80 or above are eligible for a scholarship of NT\$17,000 per semester for students in the commerce department and NT\$18,000 per semester for students in the industrial department for the academic year.

Học kỳ trước điểm thành tích xếp thứ tự 10% của lớp và điểm hạnh kiểm trên 80 điểm, thì đối với những khoa thuộc ngành thương nghiệp sẽ nhận được học 17,000 Đài tệ, đối với những khoa thuộc ngành công nghiệp sẽ nhận được học bổng 18,000 Đài tệ.

- (3) 前一學期全班學業成績前 20% 且操行成績 80 分以上者，當學年度商業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 8,000 元整，工業類學系每名每學期頒予獎學金新台幣 9,000 元整。

Students who ranked in the top 20% of their class academically in the previous semester and achieved a conduct score of 80 or above are eligible for a scholarship of NT\$8,000 per semester for students in the commerce department and NT\$9,000 per semester for students in the industrial department for the academic year.

Học kỳ trước điểm thành tích xếp thứ tự 20% của lớp và điểm hạnh kiểm trên 80 điểm, thì đối với những khoa thuộc ngành thương nghiệp sẽ nhận được học 8,000 Đài tệ, đối với những khoa thuộc ngành công nghiệp sẽ nhận được học bổng 9,000 Đài tệ.

2.獎助學金之核發，大學部學生以四年為限。

Students will be awarded scholarship for no more than 4 years.

Sinh viên đại học được nhận học bổng, chỉ giới hạn trong vòng 4 năm.

三、申請資格/ Eligibility/ Điều kiện đăng ký

- (1) 持越南高中或高專畢業學歷，每學年平均成績須達 6 分以上。

The applicant should hold a valid Vietnamese high school diploma, and the average score each semester should be over 6.0.

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp ở Việt Nam, điểm trung bình mỗi kỳ đạt trên 6 điểm.

- (2) 應屆畢業生優先，年齡 22 歲以下。

The application of students of the graduating class will be given priority. The applicant is preferred to be under 22 years old.

Ưu tiên học sinh mới tốt nghiệp, ưu tiên tuổi dưới 22

- (3) 具華語文能力測驗 (TOCFL) 1 級 (入門級) 以上能力證明或多益成績 (TOEIC) 300 以上，若未具華語文能力 A2 (含) 級以上外國學生，學生須於一年級第二學期結束前通過華語文能力 A2 (含) 級以上測驗。

The applicant should hold either a Chinese or English language proficiency certificate (TOCFL L1 or TOEIC 300 above.) . Student must obtain TOCFL Level 2 (A2) or above before end of second semester.

Có chứng nhận ngôn ngữ Kỳ thi năng lực hoa ngữ (TOCFL) từ cấp 1 (cấp nhập môn) trở lên hoặc điểm thi TOEIC trên 300 điểm hoặc sinh viên nước ngoài không có năng lực tiếng Trung A2 (gồm) trở lên, sinh viên phải vượt qua kỳ thi năng lực tiếng Trung A2 (gồm) trở lên trước khi kết thúc học kỳ hai của năm nhất.

- (4) 每學期開學前須繳清全額學費。

Students need to pay the tuition and related fees at the beginning of each semester once they are enrolled.

Mỗi kỳ trước khi nhập học phải hoàn thành thanh toán học phí.

國籍/ Nationality/ Quốc tịch

1. 具新南向國家國籍（註 1）且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

An individual of the nationality of Indonesia, Singapore, Malaysia, Philippines, Thailand, Brunei, Vietnam, Myanmar, Laos, Cambodia, India, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, Nepal, Bhutan, New Zealand or Australia, who has never held nationality status from the Republic of China (“R.O.C.”) and who does not possess an overseas Chinese student status at the time of their application.

Mang quốc tịch các nước Tân Hường Nam（chú thích 1），và chưa từng mang quốc tịch Đài Loan, lúc đăng ký không thuộc tư cách Kiêu sinh.

2. 具新南向國家國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外（註 2）六年以上者。

An individual of the nationality of the above-mentioned 18 countries, pursuant to the following requirements and who has resided overseas continuously for no less than 6 years is also qualified to apply for admission under this regulation.

Mang quốc tịch các nước Tân hướng nam và phù hợp với các quy định dưới đây, và lúc đăng ký đã cư trú ở hải ngoại（chú thích 2）liên tục trên 6 năm.

- a. 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

An individual who also is a national of the R.O.C., but does not hold nor has had a household registration in Taiwan.

Lúc đăng ký mang 2 quốc tịch trong đó có quốc tịch Đài Loan, nhưng chưa từng nhập hộ khẩu ở Đài Loan.

- b. 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

An individual who also was a national of the R.O.C. but has no R.O.C. nationality at the time of their application shall have an annulled status regarding their R.O.C. nationality for no less than 8 years after an annulment of R.O.C. nationality by the Ministry of the Interior.

Trước khi đăng ký đã từng có 2 quốc tịch bao gồm quốc tịch Đài Loan, trong lúc đăng ký đã không còn mang quốc tịch Đài Loan, tính từ ngày từ bỏ quốc tịch Đài Loan theo Bộ Nội Chính đã tròn 8 năm.

- c. 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

Regarding individuals mentioned in the preceding 2 subparagraphs, they must not have studied in Taiwan as an overseas Chinese student nor received placement permission during the same year of the application by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students.

Hai tư cách trên đều chưa từng đến Đài Loan học tập theo dạng Kiêu sinh, và không thuộc sự phân phát của Ủy ban tuyển sinh liên hợp hải ngoại trong năm học đó.

3. 具新南向國家國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留（註 3）滿六年以上者。

An applicant of the above-mentioned 18 countries, concurrently holding a permanent residence status in Hong Kong or Macao, having no history of a household registration record in Taiwan and, at the time of application, has resided in Hong Kong, Macao, or another foreign country for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these regulations.

Mang quốc tịch các nước Tân hướng nam, đồng thời có tư cách cư trú vĩnh viễn ở Hồng Kong và Ma Cao, và chưa từng nhập hộ tịch ở Đài Loan. Lúc đăng ký đã cư trú ở Hồng Kong, Ma Cao và hải ngoại（chú thích 3）liên tục trên 6 năm.

4. 曾為大陸地區人民具新南向國家國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年（註 4）以上者。

An applicant being a former citizen of Mainland China and holds a nationality of the above-mentioned 18 countries, having no history of household registration record in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these

regulations.

Đã từng sinh sống ở Trung Quốc nhưng mang quốc tịch các nước Tân hướng nam, đồng thời chưa từng nhập hộ khẩu ở Đài Loan. Lúc đăng ký đã cư trú ở hải ngoại liên tục 6 năm trở lên (chú thích 4).

註 1：依「教育部補助技專校院辦理產學合作國際專班申請及審查作業要點」，新南向國家指東協十國（印尼、新加坡、馬來西亞、菲律賓、泰國、汶萊、越南、緬甸、寮國、柬埔寨）、南亞六國（印度、巴基斯坦、孟加拉、斯里蘭卡、尼泊爾、不丹）及紐西蘭、澳洲等十八個國家。

According to the "Application for the International Student-School Cooperation Program of the Ministry of Education and the review of the main points of the operation", the new South refers to the 10 countries of the ASEAN (Indonesia, Singapore, Malaysia, Philippines, Thailand, Brunei, Vietnam, Myanmar, Laos, Cambodia, South Asia (India, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, Nepal, Bhutan) and 18 countries including New Zealand and Australia.

Căn cứ “Trọng điểm đăng ký và quy trình xét duyệt của Bộ giáo dục về việc trợ cấp trường cao đẳng kỹ thuật đào tạo lớp chuyên ban sinh viên quốc tế hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp”, các nước Tân hướng nam chỉ 10 nước Đông Nam Á (Indonesia, Singapore, Malayxia, Philippines, Thái Lan, Brunei, Việt Nam, Myanmar, Lào, Campuchia), 6 nước Nam Á (Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, Nepal, Bhutan) và New Zealand cùng với 18 quốc gia châu Úc.

註 2：所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區。

Overseas as prescribed in paragraph 2 and paragraph 3 is limited to countries or regions other than Mainland China, Hong Kong and Macau.

Hải ngoại chỉ các quốc gia khu vực trừ Trung Quốc, Hồng Kong và Ma Cao.

註 3：所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間不得逾一百二十日。

The term “continuously” means that an individual may stay in Taiwan for no more than a total of 120 days per calendar year.

Cư trú liên tục là chỉ sinh viên quốc tế ở trong nước không quá 120 ngày trong 1 năm.

註 4：所定六年，以擬入學當學期起始日期（二月一日或八月一日）為終日計算之。

The periods of six years stipulated be calculated using the starting date of the semester (February 1, or August 1) as the end date of the period.

Khái niệm 6 năm là được tính tới ngày nhập học của kỳ đó (1 tháng 2 hoặc 1 tháng 8).

申請資格依據教育部『外國學生來台就學辦法』<https://goo.gl/kYHqPY>之規定。若有修改，以教育部公告為主。

An individual eligibility is based on “MOE Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan” <https://goo.gl/nVdEVV>. If the MOE regulations are revised, the latest MOE regulations shall prevail.

Tư cách đăng ký dựa theo “Quy định đến Đài học tập của sinh viên quốc tế” <https://goo.gl/kYHqPY> của Bộ Giáo dục. Nếu như có sự thay đổi, dựa theo thông báo của Bộ Giáo dục làm chuẩn.

四、招生系所及招生名額/ Programs & Quota and Credit Requirement/ Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu

招生國籍 Nationality Quốc tịch	學位類別 Degree Học vị	系所別 Department Khoa	招生名額 Quota Chỉ tiêu	授課語言 Language Ngôn ngữ giảng dạy
越南 Vietnam Việt Nam	四年制學士 Four-year bachelor Cử nhân - 4 năm	觀光餐旅學院 餐飲管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Food and Beverage Management Học viện Du lịch, Nhà hàng-Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị Nhà hàng	40	中文授課 Chinese Giảng dạy bằng tiếng Trung
越南 Vietnam Việt Nam	四年制學士 Four-year bachelor Cử nhân - 4 năm	觀光餐旅學院 旅遊管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Travel Management Học viện Du lịch, Nhà hàng-Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị du lịch	40	
越南 Vietnam Việt Nam	四年制學士 Four-year bachelor Cử nhân - 4 năm	觀光餐旅學院 旅館管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Hotel Management Học viện Du lịch, Nhà hàng Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị Khách sạn	40	
越南 Vietnam Việt Nam	四年制學士 Four-year bachelor Cử nhân - 4 năm	資訊科技與管理學院 資訊與通訊系國際學生產學合作專班 College of Information Technology and Management Special Program of Information and Communications Technology Học viện Điện tử và Tin học Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Điện tử và thông tin	40	

*各班招生人數上限為40人，若未達20人不開班

The maximum number of students enrolled in each class is 40. The minimum to start a class is 20.

Số lượng chiêu sinh các lớp tối đa là 40 sinh viên. Nếu dưới 20 sinh viên thì không mở lớp.

修習學分規定/ Credits Requirement/ Quy định về học phần

越南專班學生四年應修畢 128 學分，包含：

Students in this program need to earn 128 credits before graduation, including:

Sinh viên lớp chuyên ban Việt Nam hệ 4 năm cần hoàn thành 128 học phần, bao gồm:

- 專業科目/ Professional Course/ Môn chuyên ngành：104 學分/ credits/ học phần
- 通識科目/ General Cours/ Môn kiến thức chung：24 學分/ credits/ học phần.

所有修習學分規定以當年度入學課程規劃為主。

All the credits taken are clearly listed in the course plan that year.

Tất cả quy định về học phần sẽ dựa vào quy hoạch môn học của năm đó.

五、申請日期/ Application Deadline/ Thời hạn nộp hồ sơ

申請截止日/ Deadline/ Hạn chót nộp hồ sơ : 113年06月30日/ June 30, 2024/ ngày 30 tháng 6

六、報名方式/ How to Apply/ Cách thức nộp hồ sơ

線上報名/ Online Application/ Đăng ký trực tuyến

線上申請網址/ To apply online, visit/ Để đăng ký trực tuyến, hãy truy cập vào trang sau

<https://enroll.just.edu.tw/Foreign/>

線上申請上傳所需資料/ Apply online and upload required information/ Danh sách giấy tờ cần có

線上填寫入學申請表（上傳二吋半身脫帽照片）/ Online completion of admission application form (ID Photo or Passport Photo 4.7cm×4.2cm) / Hình thẻ 4*6
身分證、護照/ ID card and passport/ CCCD và hộ chiếu
最高學歷之畢業證書、成績單（正本若非中文版或英文版，則需另附上經中華民國外交部授權之駐外機構驗證的翻譯版）/ Diploma of highest education level and official transcripts. (If the original is not in Chinese or English, it must be accompanied by a translated version verified by the foreign agency authorized by the Ministry of Foreign Affairs of R.O.C.) / Bằng tốt nghiệp cao nhất, bảng điểm (học bạ) đã được công chứng dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung có đóng dấu xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao Việt Nam.
華語文能力測驗（TOCFL）1級（入門級）或2級（基礎級）以上能力測驗證書/ Chinese language proficiency certificate (TOCFL L1 or TOCFL L2 above) / Chứng nhận Kỳ thi năng lực Hoa ngữ (TOCFL đạt từ cấp 1 (A1) hoặc cấp 2 (A2) trở lên)
切結書與入學前須知事項與授權書/ The declaration and Notice for Students and Letter of Authorization/ Giấy cam kết; Thư ủy quyền và Bảng Các việc cần chú ý trước khi nhập học
醫院核發之三個月內中文版或英文版之健康證明(依我衛生福利部規定表格，並至我衛福部指定之醫院)/ Health certificate in Chinese or English issued by hospitals no earlier than the most recent 3 months(Follow the form prescribed by the Ministry of Health and Welfare and go to the hospital designated by the MOHW)/ Giấy khám sức khỏe tiếng Anh hoặc tiếng Trung có thời gian trong vòng 3 tháng.
財力證明 3,000 美元或獲獎學金證明/ Financial Statement or Official Bank Statement with a minimum balance of US\$3,000 per person or Scholarship award notification/ Chứng minh tài chính 3.000USD hoặc Giấy chứng nhận học bổng
其他有助審查之資料/ Other information that will help review/ Các giấy tờ liên quan khác hỗ trợ việc xét tuyển

七、評分方式及錄取原則/ Scores Calculation/ Tiêu chí đánh giá và nguyên tắc tuyển chọn

評分項目、配分及計分內容/ Evaluation (percentage & Description) / Phương thức đánh giá:

評分項目/ Items/ Hạng mục đánh giá	配分/ Percentage/ Tỷ lệ	計分內容/ Description/ Nội dung chấm điểm
書面審查 Application Form Duyệt hồ sơ	40 分 40 %	審查申請入學文件完整性、在校成績、自傳及其他文件。 Review of the completeness of admission application documents, academic records, autobiography, and other documents. Kiểm tra tính đầy đủ của tài liệu đăng ký nhập học, học bạ, tự trình bày và các tài liệu khác.
面試成績 Interview Điểm phỏng vấn	60 分 60 %	個人談吐儀態、就讀意願、生涯規劃、語言能力。 Personal demeanor, willingness to study, career planning, language proficiency. Đánh vẻ và cách ứng xử cá nhân, ý muốn học tập, kế hoạch nghề nghiệp, và khả năng ngôn ngữ.
總成績 Final Scores Tổng điểm		書面審查+面試成績 Application forms + Interview Duyệt hồ sơ + Điểm phỏng vấn

※同分參酌 / Same Final Scores/ Đồng điểm:

考生總成績相同時，以「面試成績」較高者優先錄取。

Students with higher scores in interview have priority to be admitted if they have the same final scores.

Hai học sinh tổng điểm như nhau sẽ ưu tiên nhận người có “điểm phỏng vấn” cao hơn.

放榜及錄取名單公告/ Exam Result Announcement/ Công bố danh sách trúng tuyển

- 本專班於放榜前，決定各專班最低錄取標準，達最低錄取標準者，經招生委員會以考生成績順序排名，在專班招生名額內者列為正取生，其餘依序列為備取生。

The Screening Committee will set the lowest scores for admission, and students whose scores are over the standard stand the chance to be formally enrolled. Those who fail to reach the standard will be put in the reserve list according to their scores.

Trước khi công bố danh sách trúng tuyển, mỗi lớp chuyên ban sẽ quyết định điểm sàn trúng tuyển, những người đạt tiêu chuẩn sẽ sắp xếp tổng thành tích theo thứ tự từ cao đến thấp. Trong số lượng chỉ tiêu tuyển sinh được coi là trúng tuyển, những người còn lại được xếp vào hạng dự bị.

- 本校寄送通知錄取及報到。考生若未收到通知，請電話洽詢國際與兩岸招生及交流中心（02）8212-2000 轉 2104 及 2207。

Sending admission notifications and registration instructions. If applicants do not receive the notification, please call the International and Cross-Strait Admissions and Exchange Center at (02) 8212-2000, extensions 2104 and 2207.

Trường chúng tôi sẽ gửi thông báo về việc nhận và đăng ký nhập học. Nếu thí sinh không nhận được thông báo, vui lòng gọi điện cho Trung tâm Tuyển sinh và Trao đổi Quốc tế và hai bên (02)8212-2000 phím 2104 và 2207.

- 錄取名單由本校招生委員會核定後公告

The Admission list is announced by the Admission committee of JUST.

Danh sách trúng tuyển sẽ do ủy ban tuyển sinh của trường phê duyệt và công bố chính thức.

八、錄取公告、成績複查/ Admission Results and Grade Appeal/ Công bố danh sách trúng tuyển, phúc tra hồ sơ

1. 錄取公告/ Admission Results/ Thông báo danh sách trúng tuyển:

113 年/ August 1, 2024/ vào ngày 01.08.2024

2. 成績複查/ Grade Appeal/ Phúc tra hồ sơ

對於本項招生錄取結果有疑慮者，於錄取名單公告後一週內提出複查申請，申請方式以 E-MAIL 或傳真寄至本校招生中心，逾期不受理。

Appeal for grades should be done within a week by sending an e-mail to the Admission Center of this university after the results are announced.

Nếu có bất kỳ vấn đề liên quan đến kết quả trúng tuyển, thì xin phúc tra hồ sơ sau 1 tuần tính từ ngày danh sách chính thức được công bố bằng cách gửi email hoặc fax đến trung tâm tuyển sinh của trường, nếu quá hạn quy định sẽ không xử lý.

九、申訴程序/ Complaints/ Thủ tục khiếu nại

考生對於本項招生事項有疑義或有違反性別平等原則之申訴案，應於成績複查截止日起一週內提出，以書面具名向本校招生委員會提出申訴，逾期不受理。

All complaints about admission results should be sent to the Admission Committee in a week after students appeal their grade.

Học sinh nếu có ý kiến liên quan đến công tác tuyển sinh hoặc vi phạm quy định bình đẳng giới tính, sau thời gian kết thúc phúc tra 1 tuần, thì làm đơn khiếu nại ghi rõ họ tên và gửi tới ủy ban chiêu sinh của trường, nếu quá hạn quy định sẽ không xử lý.

十、註冊入學/ Enrollment Registration/ Thủ tục nhập học

1. 開學日：113 年 09 月 16 日/ School opens on Sep.16, 2024/ Ngày 16.09.2024 khai giảng

2. 錄取生應依入學通知書之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、畢業證書及成績單，始得註冊入學。

Students need to submit passport, high school diploma and academic scripts for inspection before completing registration.

Học sinh căn cứ vào nội dung thư mời nhập học để làm thủ tục trình diện và nhập học, đồng thời mang bản chính hộ chiếu, bằng tốt nghiệp và bằng điểm để hoàn tất thủ tục nhập học.

3. 根據教育部規定，外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學；已逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於第二學期或下一學年註冊入學。

According to the rules of MOE, foreign students can only be admitted before 1/3 of the semester time, or being admitted the next semester.

Bộ Giáo dục quy định đối với sinh viên quốc tế, thời gian khi làm thủ tục nhập học nếu chưa vượt quá một phần ba thời gian học của kỳ thứ nhất năm học đó thì được tính nhập học vào học kỳ đó, nếu đã vượt quá một phần ba thời gian học của kỳ thứ nhất năm học đó thì được tính nhập học vào học kỳ thứ 2 của năm đó hoặc đợt nhập học năm sau.

十一、收費標準/ Fees/ Các khoản phí

2023 年收費標準/ Fees for 2023/ Tiêu chuẩn thu phí-năm học 2023

學期繳費：學生收費標準（以新台幣計算）/ Each semester (NT Dollars) / Tiêu chuẩn thu phí mỗi học kỳ (tính theo đơn vị Đài tệ)

學位類別 College Loại học vị	學雜費（一學期） Tuition & Miscellaneous Fees Học phí tập phí（1 học kỳ）	住宿費（一學期）六人房 Accommodation（per semester） Phí ký túc xá（1 học kỳ） Phòng 6 người
觀光餐旅學院 餐飲管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Food and Beverage Management Học viện Du lịch Nhà hàng Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị Nhà hàng	NT\$43,160	NT\$10,500 保證金NT\$2,000（一學年） Refundable deposit NT\$2,000 Tiền đặt cọc. NT\$2,000
觀光餐旅學院 旅遊管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Travel Management Học viện Du lịch Nhà hàng Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị du lịch		
觀光餐旅學院 旅館管理系國際學生產學合作專班 College of Hospitality & Tourism Management/ Special Program of Hotel Management Học viện Du lịch Nhà hàng Khách sạn Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Quản trị Khách sạn		
資訊科技與管理學院 資訊與通訊系國際學生產學合作專班 College of Information Technology and Management Special Program of Information and Communications Technology Học Viện Công nghệ thông tin và Quản lý Lớp chuyên ban quốc tế Khoa Điện tử và thông tin	NT\$49,628	

除學雜費及住宿費外，還需繳交其他費用：電腦及網路通訊使用費、體檢費、境外生傷病醫療保險、學生團體保險費、全民健康保險費等費用。

Other fees include Computer & Internet, Physical Check-up, Commercial Insurance, Compulsory Student Insurance, National Health Insurance.

Ngoài tiền học phí, tạp phí và phí ký túc xá, cần nộp các khoản phí khác bao gồm: Phí sử dụng máy tính và mạng internet, phí kiểm tra sức khỏe, bảo hiểm điều trị bệnh cho sinh viên nước ngoài, bảo hiểm đoàn thể sinh viên, bảo hiểm sức khỏe toàn dân...

- 電腦及網路通訊使用費：NT\$1,100
Computer & Internet: NT\$1,100
Phí sử dụng máy tính và mạng Internet: NT\$1,100
- 體檢費：NT\$600（新生入學）
Physical Check-up: NT\$600
Phí kiểm tra sức khỏe: NT\$600（Sinh viên mới nhập học）
- 學生團體保險：NT\$649
Compulsory Student Insurance: NT\$649
Bảo hiểm đoàn thể sinh viên: NT\$649
- 境外生傷病醫療保險：NT\$3,000（剛入境居留未滿6個月，尚未符合投保健保資格；學生居留滿6個月，尚未符合投保健保資格，須投保國泰人壽外籍生團險（每月新臺幣500元）。
Students are required to take commercial insurance before they acquire National Health Insurance（stay in Taiwan over 6 months）. The commercial insurance costs NT\$500/month.

Bảo hiểm điều trị bệnh cho sinh viên nước ngoài: NT\$3,000（Sinh viên mới nhập cảnh, thời gian cư trú chưa đủ 6 tháng, chưa đủ điều kiện tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn dân; Sinh viên có thời gian cư trú đủ 6 tháng, nhưng chưa đủ điều kiện tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn dân, cần đóng bảo hiểm Quốc Thái nhân thọ cho sinh viên nước ngoài（mỗi tháng Tân Đài tệ NT\$500）.

*此收費標準依專科以上學校學雜費收取辦法為基準，如有修正請依學校最後公告為基準。

Fees are collected in accordance with MOE relevant rules. The university reserves the right to make change.

Tiêu chuẩn thu phí dựa theo Quy định thu học phí tạp phí các trường Cao Đẳng trở lên, nếu như có sự thay đổi dựa theo thông báo cuối cùng của nhà trường.

*本校國際產學合作專班，依「教育部補助技專校院辦理產學合作國際專班申請及審查作業要點」之規定，如獲教育部補助開辦費時，新生依補助開辦費金額最多可領取第一學年學費二分之一，並於當學期末發放（須按規定期限內完成學雜費註冊作業）。

Students of this special program will be subsidized 50% of the tuition fees in the first year, if this program is subsidized by the Ministry of Education.

Nếu chương trình này được Bộ Giáo dục tài trợ, sinh viên của chương trình đặc biệt này sẽ được hỗ trợ nhận lại nhiều nhất 50% học phí trong năm đầu tiên.(Điều kiện: cần phải hoàn thành đóng học phí, tạp phí trong thời gian quy định)

十二、休、退學退費注意事項/ Important Notes on Leave of Absence, Withdrawal, and Refund / về Việc Nghỉ học, Rút học và Hoàn trả học phí

1. 休、退學退費，必須附上學雜費繳費收據。

When applying for a leave of absence, withdrawal, or refund, it is essential to provide the payment receipts for tuition and miscellaneous fees.

Khi nộp đơn xin nghỉ học, thôi học, hoặc hoàn trả học phí, việc cung cấp các biên lai thanh toán cho học phí và các khoản phí khác là rất quan trọng.

2. 審核休、退學之退費金額，係以學生或家長提出申請日為計算基準日；若因可歸責學生自身因素延宕相關程序，則以實際離校日為計算基準日，請注意您的權益。

The amount of refund for leave of absence or withdrawal will be assessed based on the application date submitted by the student or their parents. If delays in the relevant procedures are attributable to the student's own factors, the actual departure date will be considered as the calculation basis. Please be mindful of your rights in this regard.

Nếu sinh viên hoặc phụ huynh của họ nộp đơn xin nghỉ học hoặc thôi học, số tiền hoàn trả sẽ được đánh giá dựa trên ngày nộp đơn đăng ký. Nếu việc trễ trong các thủ tục liên quan có thể được quy cho các yếu tố của sinh viên, ngày khởi hành thực tế sẽ được xem xét là cơ sở tính toán. Hãy chú ý đến quyền lợi của bạn trong vấn đề này.

3. 退費標準依教育部發布之「專科以上學校學雜費收取辦法」所訂退費標準辦理。

Refund standards adhere to the regulations set forth in the "In accordance with the regulations for the payment of tuition and fees for colleges and above" published by the Ministry of Education.

Quy định về tiêu chuẩn hoàn trả tuân theo các quy định được đề ra trong "Theo quy định về việc thanh toán học phí và các khoản phí cho các trường đại học và cao hơn" được công bố bởi Bộ Giáo dục.

4. 延修生休、退學退費，亦比照辦理。

Leave of absence, withdrawal, and refund procedures for extension students will be conducted in accordance with the same principles.

Điều trị, thôi học và các thủ tục hoàn trả cho sinh viên gia hạn sẽ được thực hiện theo cùng các nguyên tắc.

專科以上學校學雜費退費基準/ Criteria for Refund of Tuition and Fees for Colleges and Above/ Tiêu chí hoàn trả học phí và các khoản phí cho các trường đại học và cao hơn

(一)註冊日（包括當日）前申請者：免繳費。已收費者，全額退費。

Applicants who apply on or before the registration day (including the registration day) are exempt from tuition fee payment. Whereas if fees have already been collected, a full amount of the fee collected will be refunded.

Những người nộp đơn vào hoặc trước ngày đăng ký (bao gồm cả ngày đăng ký) sẽ được miễn phí học phí. Trong trường hợp các khoản phí đã được thu, toàn bộ số tiền thu được sẽ được hoàn lại.

(二)於上課（開學）日（包括當日）之後而未逾學期三分之一申請者：學費、雜費退還三分之二。

Applicants who apply after the commencement of classes (the first day of the semester) but before one-third of the semester has elapsed: Two-thirds of the tuition and miscellaneous fees will be refunded.

Những người nộp đơn sau khi các lớp học bắt đầu (ngày đầu tiên của học kỳ) nhưng trước khi một phần ba của học kỳ đã qua đi: Hai phần ba số tiền học phí và các khoản phí khác sẽ được hoàn lại.

(三)於上課（開學）日（包括當日）之後逾學期三分之一，而未逾學期三分之二申請者：學費、雜費退還三分之一。

Applicants who apply between the period of one-third of the semester and two-thirds of the semester since the commencement of classes (the first day of the semester): One-third of the tuition and miscellaneous fees will be refunded.

Ứng viên nộp đơn trong khoảng thời gian từ một phần ba của kỳ học đến hai phần ba của kỳ học kể từ ngày bắt đầu của các lớp học (ngày đầu tiên của kỳ học): Một phần ba học phí và các khoản phí khác sẽ được hoàn trả.

(五)於上課（開學）日（包括當日）之後逾學期三分之二申請者：所繳學費、雜費，不予退還。

Applicants who apply after two-thirds of the semester has passed since the commencement of classes (the first day of the semester): Tuition and miscellaneous fees paid will not be refunded.

Người nộp đơn sau khi hai phần ba của kỳ học đã trôi qua kể từ ngày bắt đầu của các lớp học (ngày đầu tiên của kỳ học): Không hoàn trả học phí và các khoản phí khác đã thanh toán.

十三、其他申請注意事項/ Related Information/Những điều cần chú ý khi nộp hồ sơ

- 1.報名時繳交之「畢業證書」及「歷年成績單」，除海外臺灣學校所發者外，應依教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定辦理。

Diplomas and academic scrips issued by foreign schools should meet the requirement of MOE.

Khi đăng ký nhập học phải nộp Bằng Tốt nghiệp và Bảng điểm, ngoại trừ Bằng Tốt nghiệp và Bảng điểm do trường học của Đài Loan ở nước ngoài cấp phát ra, Bằng Tốt nghiệp và Bảng điểm phải được công chứng theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan.

- 2.依教育部規定，凡曾經入學學校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再向本校申請入學。若違反此規定並經查證屬實者，取消其入學資格。

Students who had a criminal record or ever being expelled by this university cannot apply, and their admission will be revoked if being found.

Theo quy định của Bộ Giáo dục Đài Loan, những người đã từng nhập học tại Đài Loan mà bị trường đó bắt buộc cho thôi học vì ý thức kém, kết quả học tập không tốt hoặc vi phạm pháp luật bị kết án hình sự, đều không được đăng ký xin nhập học tại trường. Nếu vi phạm quy định này, khi phát hiện sẽ bị hủy bỏ tư cách nhập học.

- 3.已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造、假借、冒用等不實情事者，未入學者即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

Students who use faked documents in their application will be denied admission, and those who are admitted will not be offered a diploma. For those who graduated, their diplomas will be revoked .

Sinh viên đã đăng ký xin nhập học hoặc đã có giấy báo nhập học, nếu bị phát hiện có các điều kiện xin nhập học không phù hợp với quy định hoặc không trung thực, giả mạo, thay đổi, mạo danh .v.v. đối với các giấy tờ đã nộp, lập tức hủy bỏ tư cách nhập học đối với người chưa nhập học; đuổi học và không cấp phát bất cứ giấy chứng nhận học tập nào đối với người đã nhập học; hủy chứng nhận bằng tốt nghiệp và thông báo hủy bỏ tư cách tốt nghiệp đối với những người sau khi tốt nghiệp mới bị phát hiện.

- 4.註冊時，新生應檢附：自入境當日起至少6個月效期之醫療及傷害保險。

Newly admitted students should submit valid health/accident insurance certificates effective at least for 6 months.

Khi đăng ký nhập học, sinh viên mới phải nộp kèm bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương tật có thời hạn ít nhất là 6 tháng kể từ ngày bắt đầu nhập cảnh Đài Loan.

- 5.外國學生就學期間在臺設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學處分。

Students who apply for household registration or acquire ROC citizenship, subsequently lose their foreign student identity will be expelled by the university.

Sinh viên quốc tế trong thời gian học tập tại Đài Loan, nếu đăng ký hộ tịch, thay đổi hộ tịch, nhập tịch hoặc lấy lại quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, hủy bỏ tư cách sinh viên nước ngoài, thì sẽ bị nhà trường buộc cho thôi học.

- 6.本簡章中文版與越譯版語意有所差異時，依中文版為主。如有未盡事宜，依相關法規及本校招生委員會決議辦理。

If any translation of this document conflicts with the Chinese version or contains terms in addition to, or different from the Chinese version, the Chinese version shall prevail. Matters not set forth explicitly in the brochure shall be dealt with in accordance with JUST Guidelines of International Students Admission and settled by the International Student Admission Committee.

Tiếng trung và bản tiếng việt nếu có sự chênh lệch về nghĩa thì dựa theo tiếng trung làm chuẩn. Nếu có vấn đề, sẽ dựa theo các quy định liên quan và do hội đồng chiêu sinh của trường giải quyết.

相關單位聯絡資訊/ Contact Information for Related Units/ Thông tin liên lạc

(一) 景文科技大學 Jinwen University of Science & Technology(JUST)

Tel : +886-2-82122000

Website : <https://www.just.edu.tw/>

(二) 本校教務處國際與兩岸招生及交流中心 International Cooperation & Cross-Strait Exchanges Center of JUST

Tel : +886-2-82122000 ext.2104

E-mail : rdie@just.edu.tw

Website : <https://rec.just.edu.tw/>

(三) 本校研究發展處 Office of Research and Development of JUST

Tel : +886-2-82122000 ext.2200

E-mail : praguide@just.edu.tw

Website : <http://rd.just.edu.tw/bin/home.php>

(四) 本校學生事務處 Office of Student Affairs of JUST

Tel : +886-2-82122000 ext.2066

E-mail : stuaffair@just.edu.tw

Website : <https://stu.just.edu.tw/?Lang=zh-tw>

(五) 教育部全球資訊網 The Ministry of Education:

Tel : +886-2-77366051~2

Website : <http://www.edu.tw/>

(六) 外交部領事事務局 The Bureau of Consular Affairs of the Ministry of Foreign Affairs:

Tel: +886-2- 2343-2888

Website : <http://www.boca.gov.tw/>

(七) Study in Taiwan:

Tel : +886-2-23565606

Website : <http://www.studyintaiwan.org/>

(八) 國家華語測驗推動工作委員會 TOCFL (Test of Chinese as a Foreign Language) :

Tel : +886-2-33433900

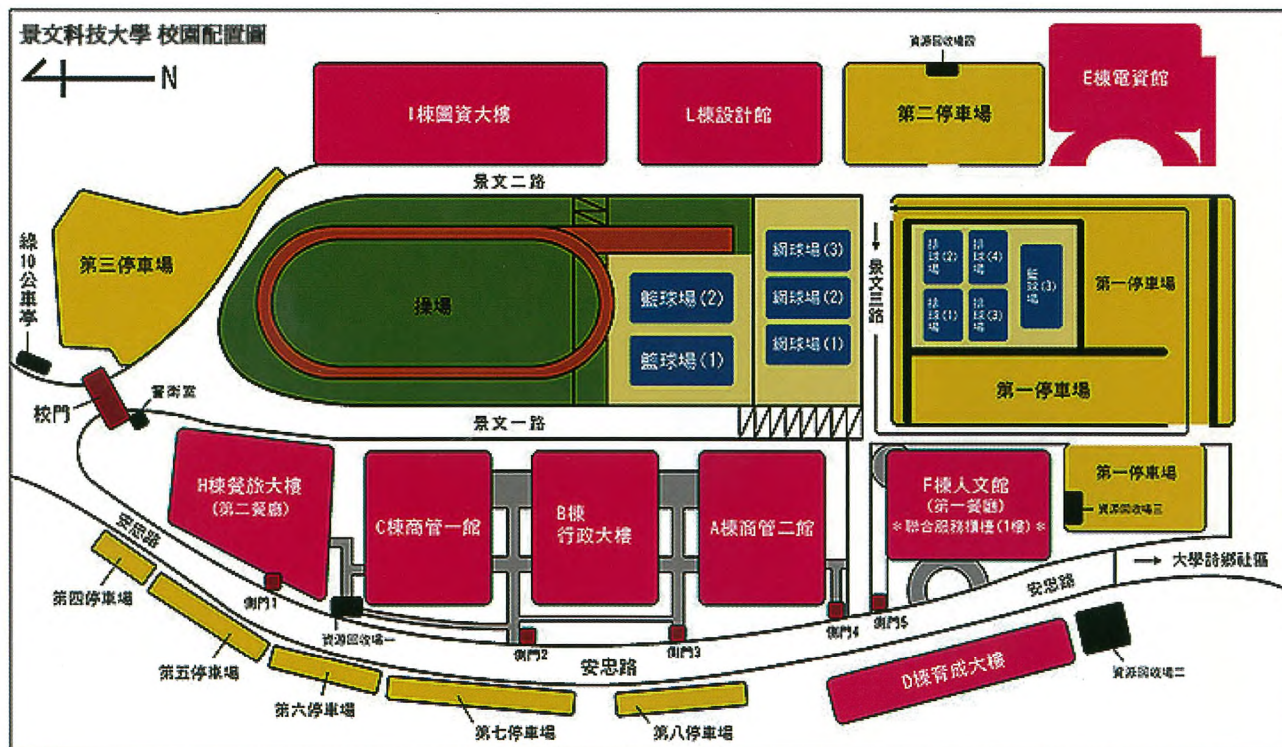
Website : <https://tocfl.edu.tw/index.php>

(九) 境外學生諮詢平臺(Use the Overseas Student Inquiry window)

Tel : +886-0800-789-007(中、英、印尼及越南語)

Website : www.nisa.moe.gov.tw

校區平面圖/ Map of Campus/ Bản Đồ Khuôn Viên Trường



- 汽機車停車場 Parking Area
- 汽機車停車場 Parking Area
- 汽機車停車場 Parking Area
- 資源回收場 Recyclables Depot
- 商管一館、二館及行政大樓 (A.B.C棟) Business & Management Buildings, Administration Building
- 設計館 (L棟) Art & Design Building
- 圖資大樓 (I棟) Library & Information Building
- 電資館 (E棟) Electronic & Computer Engineering Building
- 人文館、第一餐廳 (F棟) Humanities & Social Sciences Building & Food Court I
- 餐旅大樓、第二餐廳 (H棟) Hospitality Management Building & Food Court II
- 學生宿舍與育成大樓 (D棟) Dormitory & Incubation Building

汽機車停車場/ Parking Area/ Bãi đỗ xe

資源回收場/ Recyclables Depot/ Khu vực kho rác tái chế

商管一館、二館及行政大樓 (A.B.C 棟) / Business & Management Buildings, Administration Building/ Tòa Khoa Quản trị kinh doanh và Tòa hành chính

設計館 (L 棟) / Art & Design Building/ Tòa Nghệ thuật và Thiết kế

圖資大樓 (I 棟) / Library & Information Building/ Tòa Thư viện và Thông tin

電資館 (E 棟) / Electronic & Computer Engineering Building/ Tòa Điện tử và Kỹ sư máy tính

人文館、第一餐廳 (F 棟) / Humanities & Social Sciences Building & Food Court I/ Tòa Nhân văn và Khoa học Xã hội & Căn tin 1

餐旅大樓、第二餐廳 (H 棟) / Hospitality Management Building & Food Court II/ Tòa Khoa Quản trị nhà hàng và Quản trị Du lịch & Căn tin 2

學生宿舍與育成大樓 (D 棟) / Dormitory & Incubation Building/ Tòa ký túc xá sinh viên

景文科技大學交通位置圖



Public transportation to Jinwen University of Science & Technology

自行開車	【國道 3 號】
	【國道 3 號 31K「安坑交流道」安坑出口】靠左側車道直行上高架橋銜接安一路，繼續行駛約 3 分鐘，遇安忠路左轉到達本校。
	【臺北市】
	【臺北市環河快速道路新店區出口直行】上中安大橋銜接中安快速道路（祥和路），繼續行駛約 5 分鐘，遇車子路左轉直行約 300 公尺，至安一路再左轉，遇安忠路右轉到達本校。
	【新北市新北環快新店區出口直行】
	過安和路後接中安快速道路（祥和路）繼續行駛 5 分鐘，遇車子路左轉直行約 300 公尺，至安一路再左轉，遇安忠路右轉到達本校。
	【三峽方向】
	經新店區安康路三段遇車子路右轉，至安一路左轉，遇安忠路右轉到達本校。
安坑輕軌	「K05 景文科大站」下車步行 2~3 分鐘抵達本校大門口。（自 2023.02.10 通車）
搭乘捷運	【松山新店線】
	(1)「大坪林站」轉乘環狀線至「十四張站」轉乘站下車，再轉乘安坑輕軌至「K05 景文科大站」下車步行 2~3 分鐘到本校。
	(2)「新店區公所站」轉乘新店客運線 10 直達本校。
	【板南線、中和新蘆線】
	(1)「板橋站」、「景安站」轉乘環狀線至「十四張站」轉乘站下車，再轉乘安坑輕軌至「K05 景文科大站」下車步行 2~3 分鐘到本校。
	(2)「板橋站」、「景安站」轉乘指南客運 897 直達本校。
搭乘公車	請在「安康派出所站」下車，步行至安康派出所對面公車站牌，或「安坑國小」對面轉乘本校接駁車來校。 [寒暑假無行駛]

Location Map of Jinwen University of Science & Technology



Public transportation to Jinwen University of Science & Technology

Drive by yourself	From 【National Highway No. 3】 Get off at the interchange at 31K of National Highway No. 3, go straight to the viaduct (An 1st Road), continue driving for 2 minutes, turn left at Anzhong Road, and you will arrive at the school.
	From 【Taipei City】 Go straight from the Xindian District Exit of the Huanhe Expressway in Taipei City, and connect to the Zhong'an Bridge to Xianghe Road. Continue driving for 5 minutes, continue going straight on Chezi Road, turn left at An 1st Road, and turn right at Anzhong Road to arrive at the school.
	From 【Proceed straight from the Xindian Exit of the Xinbei Expressway】 Go straight from Xindian District Exit of Xinbei Expressway in New Taipei City or connect to Anhe Road in Xindian via Zhonghe Nanshi Corner in New Taipei City, then connect to Xianghe Road after meeting Zhongan Bridge, continue driving for 5 minutes, continue straight on Chezi Road, turn left at An 1st Road, and meet Anzhong Turn right to reach the school.
	From 【Sanxia District, New Taipei City】 Pass through the second section of Ankang Road in Xindian District from Sanxia direction, turn right at Chezi Road, turn left at Anyi Road, turn right at Anzhong Road to arrive at our school.
AnKeng Light Rail	Get off at "K05 JUST Station" and walk for 2 ~ 3 minutes to the gate of our school. (Open to traffic on 2023.02.10)
MRT	Xindian Line (1) Transfer to the circular line at "Dapinglin Station" and get off at the interchange station at "Shishizhang Station", then transfer to Ankeng Light Rail and get off at "K05 JUST Station" and walk for 2 ~ 3 minutes to the school. (2) From "Xindian District Office Station", transfer to Xindian Passenger Transport Green 10 and go directly to our school.
	Bannan Line、Zhonghe Line (1) Transfer to the circular line at "Banqiao Station"、"Jing'an Station" and get off at the interchange station of "Shishizhang Station", then transfer to Ankeng Light Rail and get off at "K05 JUST Station" and walk for 2 ~ 3 minutes to our school. (2) Transfer at "Banqiao Station"、"Jing'an Station" to Bus No. 897 to our school.
Bus	Take other routes and get off at "Ankang Police Station", walk for 5 ~ 10 minutes, and get to the bus stop opposite to Ankang Police Station, or opposite to "Ankeng Elementary School", and then take the JUST shuttle bus [No departures during winter and summer vacations]

Bản Đồ Giao Thông tại Đại học KHKT Cảnh Văn



Phương tiện giao thông công cộng đến Đại học KHKT Cảnh Văn

Tự lái xe	Từ 【Quốc lộ số 3】
	Xuống tại nút giao ở Km 31 của Quốc lộ số 3, đi thẳng đến cầu vượt (Đường An 1), tiếp tục lái xe trong 2 phút, rẽ trái tại Đường Anzhong, và bạn sẽ đến trường.
	Từ 【Thành phố Đài Bắc】
	Đi thẳng từ cửa ra Khu Xindian của Đường cao tốc Huanhe ở Thành phố Đài Bắc, và kết nối với Cầu Zhong'an đến Đường Xianghe. Tiếp tục lái xe trong 5 phút, tiếp tục đi thẳng trên Đường Chezi, rẽ trái tại Đường An 1, và rẽ phải tại Đường Anzhong để đến trường.
Đường sắt nhẹ AnKeng	Từ 【Tiếp tục thẳng từ Lối ra Xindian của Đường cao tốc Xinbei】
	Đi thẳng từ cửa ra Khu Xindian của Đường cao tốc Xinbei ở Thành phố mới Đài Bắc hoặc kết nối với Đường Anhe ở Xindian qua Góc Zhonghe Nanshi ở Thành phố mới Đài Bắc, sau đó kết nối với Đường Xianghe sau khi gặp Cầu Zhongan, tiếp tục lái xe trong 5 phút, tiếp tục thẳng trên Đường Chezi, rẽ trái tại Đường An 1, và gặp Anzhong Rẽ phải để đến trường.
	Từ 【Quận Sanxia, Thành phố Tân Đài Bắc】
	Đi qua đoạn thứ hai của Đường Ankang ở Quận Xindian từ hướng Sanxia, rẽ phải tại Đường Chezi, rẽ trái tại Đường Anyi, rẽ phải tại Đường Anzhong để đến trường của chúng tôi.
Tàu điện ngầm	Đường Xindian
	(1) Chuyển sang tuyến vòng tròn tại "Trạm Dapinglin" và xuống tại trạm giao lộ tại "Trạm Shishizhang", sau đó chuyển sang Đường sắt nhẹ Ankeng và xuống tại "Trạm K05 JUST" và đi bộ trong 2 ~ 3 phút đến trường.
	(2) Từ "Trạm Văn phòng Quận Xindian", chuyển sang Xe buýt Xindian Passenger Transport Green 10 và đi trực tiếp đến trường của chúng tôi.
	Tuyến Bannan、Tuyến Zhonghe
	(1) Chuyển sang tuyến vòng tròn tại "Trạm Banqiao"、"Trạm Jing'an" và xuống tại trạm giao lộ tại "Trạm Shishizhang", sau đó chuyển sang Đường sắt nhẹ Ankeng và xuống tại "Trạm K05 JUST" và đi bộ trong 2 ~ 3 phút đến trường của chúng tôi.
	(2) Chuyển tuyến tại "Trạm Banqiao" và "Trạm Jing'an" để lên xe buýt số 897 đến trường của chúng tôi.
Xe buýt	
	Đi các tuyến đường khác và xuống ở "Trạm Cảnh Sát Ankang", đi bộ khoảng 5 ~ 10 phút để đến điểm dừng xe buýt đối diện Trạm Cảnh Sát Ankang hoặc đối diện "Trường Tiểu học Ankeng", sau đó lên xe buýt đưa đón JUST [Không có chuyến khởi hành trong kỳ nghỉ mùa đông và mùa hè].

切結書/ DEPOSITION/ Giấy cam kết

1. 本人保證符合以下五項其中之一

I hereby attest that I am qualified for one of the five following conditions

Tôi đảm bảo phù hợp với 1 trong 5 những điều dưới đây:

a. 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。

At the same time of application, I am holding a foreign nationality and have never held R.O.C. nationality. Moreover, I do not have overseas Chinese student status

Mang quốc tịch nước ngoài, và chưa từng mang quốc tịch Đài Loan, lúc đăng ký không thuộc tư cách Kiều sinh.

b. 具外國國籍及兼具中華民國國籍者，自始未曾在臺設有戶籍，並於申請時已連續居留海外六年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。

At the same time of application, I am holding both foreign and R.O.C. nationalities but have never had the household registration in Taiwan. Moreover, I have been living abroad continuously for more than 6 years and I have never studied with overseas Chinese status in Taiwan and I have not received the student status from the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in the enrollment year.

Mang quốc tịch nước ngoài và quốc tịch Đài Loan, nhưng chưa từng nhập hộ khẩu ở Đài Loan. Trong lúc đăng ký đã cư trú hải ngoại liên tục trên 6 năm, chưa từng đến Đài Loan học tập theo dạng Kiều sinh, không nằm trong diện phân phát của Ủy ban chiêu sinh liên hợp hải ngoại trong năm đó.

c. 具外國國籍，且曾兼具中華民國國籍者，於申請時已經內政部許可喪失中華民國國籍已滿八年，並於申請時已連續居留海外六年以上者，且未曾以僑生身分在臺就學，且未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。

At the same time, I am holding foreign nationality and once had R.O.C. nationality but I have not had household registration issued by Ministry of Interior for at least 8 years and have been living abroad continuously for more than 6 years. Moreover, I have never studied with overseas Chinese status in Taiwan and have not received a student status from the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in the enrollment year.

Mang quốc tịch nước ngoài, đã từng mang quốc tịch Đài Loan, trong lúc đăng ký đã không còn mang quốc tịch Đài Loan, tính từ ngày từ bỏ quốc tịch Đài Loan theo Bộ Nội Chính đã tròn 8 năm, đồng thời lúc đăng ký đã cư trú hải ngoại liên tục trên 6 năm, chưa từng đến Đài Loan học tập theo dạng Kiều sinh, không nằm trong diện phân phát của Ủy ban chiêu sinh liên hợp hải ngoại trong năm đó.

d. 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者

An applicant of foreign nationality, concurrently holding a permanent residence status in Hong Kong or Macao, having no history of a household registration record in Taiwan and, at the time of application, has resided in Hong Kong, Macao, or another foreign country for no less than 6 years.

Mang quốc tịch nước ngoài, có tư cách cư trú vĩnh viễn ở Hồng Kong và Ma Cao, chưa từng nhập hộ khẩu ở Đài Loan. Trong lúc đăng ký đã từng ở Hồng Kong, Ma Cao hoặc hải ngoại liên tục 6 năm trở lên.

e. 曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者

An applicant being a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration record in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for no less than 6 years.

Đã từng sinh sống ở Trung Quốc nhưng mang quốc tịch nước ngoài, đồng thời chưa từng nhập hộ khẩu ở Đài Loan. Lúc đăng ký đã cư trú ở hải ngoại liên tục 6 năm trở lên

2. 所有的資料如有不實或不符規定等情事屬實者，本人願依貴校相關辦法與中華民國政府之規定辦理，絕無異議。如入學或畢業後始發現者，註銷學籍，畢業者追繳已發之畢業證書。

If any information (Including all of the application documents) is found to be false, I will accept the consequences set forth in university regulation or R.O.C. law. And the admission will be cancelled and the criminal liability will be imposed. If the forged document is found after admission or graduation, the student status will be revoked, the degree diploma will be retracted, and the criminal liability will be

imposed.

Tất cả các thông tin nếu như được chứng minh không đúng sự thật hoặc không phù hợp quy định, tôi đồng ý xử lý theo quy định của trường và quy định của chính phủ Đài Loan, không được có ý kiến. Nếu như phát hiện sau khi nhập học hoặc đã tốt nghiệp, hủy bỏ trạng thái sinh viên, sinh viên tốt nghiệp phải nộp lại bằng tốt nghiệp.

3. 本人所提供之最高學歷畢業證書，在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格，並所持有之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。

The highest level diploma which I present is recognized as legal and valid within the country where the school is located and is equivalent to the comparable diploma offered in the R.O.C.

Bằng tốt nghiệp học lực cao nhất do tôi cung cấp, phải là bằng tốt nghiệp hợp pháp có hiệu lực ở quốc gia đó, đồng thời bằng cấp phải có hiệu lực tương đương với các cấp trường tại Đài Loan.

4. 取得入學許可後，於辦理報到時，須繳交中華民國駐外館處驗證之學歷證明及成績單（認證章正本），始得註冊入學。

I understand that at the time of registering at JUST, the original diploma of my highest degree and an official transcript, verified by the R.O.C. embassies, consulates, or missions abroad or other notary institutes authorized by the Ministry of Foreign Affairs, R.O.C., in the country where the documents were originally issued, should be submitted.

Sau khi có được giấy phép nhập học, khi nộp hồ sơ nhập học, bằng tốt nghiệp và bảng điểm phải được công chứng tại văn phòng Đại Bắc ở Việt Nam (bản gốc công chứng), mới được nhập học.

5. 英制高中中學四年或五年學歷（Form 4 或 Form-5）申請入學者，於原課程外需增修畢業學分。其增修畢業學分之科目由系所另行訂定之。

Applicant who graduated from Form 4 or Form 5 System (High school of British system of 4 or 5 years) and apply to enter MUST, need to earn more credits. The course profile will be arranged by each department.

Học chế độ học trung cấp 4 năm hay 5 năm học của Anh (Form 4 hoặc Form 5), ngoài khóa học ra cần phải học thêm các học phần tốt nghiệp, các học phần này sẽ do mỗi chuyên ngành quyết định.

6. 本人未曾遭中華民國國內各大專院校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學。

I have never been expelled from a university or college in R.O.C. due to behavior problems, failed academic performances or criminal records.

Tôi chưa từng bị trường Đài Loan đuổi học vì hạnh kiểm hay thành tích không đạt, hoặc do vi phạm hình sự.

7. 依教育部規定，外國學生來臺就學後，其於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍者，喪失外國學生身分，應予退學。

According to the regulations of the MOE (Ministry of Education), those who have been approved for Initial Household Registration, Moving-in Registration, Acquisition or Restoration of Nationality during their study in Taiwan and have thus ceased to possess the status as foreign students, shall be expelled from any attending school.

Theo quy định của Bộ Giáo dục, sinh viên quốc tế sau khi đến Đài Loan học tập, trong thời gian học tập nếu nhập hộ khẩu, thay đổi hộ khẩu, gia nhập hoặc phục hồi quốc tịch Đài Loan thì sẽ hủy bỏ thân phận sinh viên, không được tiếp tục học.

註：申請資格依據教育部『外國學生來台就學辦法』之規定，若有修改，以教育部公告為主。

Note: The application eligibility is based on Ministry of Education (MOE) regulations regarding international students undertaking studies in Taiwan. If the MOE regulations are revised, the latest MOE regulations shall prevail. "International Students Undertaking Studies in Taiwan."

Chú thích: Từ cách đăng ký dựa theo "Quy định sinh viên quốc tế đến Đài Loan học tập" của Bộ Giáo dục, nếu có sự thay đổi sẽ dựa theo thông báo của Bộ Giáo dục.

申請人簽名/ Applicant's Signature/ Người làm đơn ký tên : _____

日期 (年/月/日) / Date (year/month/day) / Ngày tháng (năm/tháng/ngày) : _____

景文科技大學國際學生產學合作專班學生入學前須知事項/ Notice for Students of Special International Program of Jinwen University of Science and Technology (JUST) / Các việc cần chú ý trước khi nhập học của Sinh viên chuyên ban Đại học KHKT Cảnh Văn

1.課程修習學分：專班學生四年應修畢 128 學分，包含專業科目 104 學分，通識科目 24 學分。學生學習異常情形達本校學則所訂休退學標準，則依規定辦理。

Credits to take: Students need to take 128 credits before graduation, including 104 credits of professional courses and 24 credits of general courses. Students who fail to meet the studying requirements of JUST will be expelled according to related rules and regulations.

Học phần: Sinh viên chuyên ban hệ 4 năm cần hoàn thành 128 học phần tốt nghiệp, bao gồm 104 học phần chuyên ngành, 24 học phần kiến thức phổ thông. Sinh viên có tình hình học tập không tốt nếu đạt ngưỡng tiêu chuẩn bảo lưu hoặc cho thôi học theo Quy định học tập của nhà trường, sẽ theo quy định xử lí.

2.工讀：專班學生第一年需全時於校內上課，入學取得居留證與工作證後，學期中每週打工不得超過 20 小時。

Work: All classes are arranged on campus in the first year. Once a student obtains both resident and work permits, he or she will be allowed to work outside the University. 20 hours are the maximum working hours per week.

Làm thêm: Sinh viên chuyên ban năm thứ nhất cần học toàn thời gian tại nhà trường, sau khi nhập học và nhận được thẻ cư trú, thẻ đi làm, nếu muốn đi làm thêm, thời gian làm thêm trong học kỳ của sinh viên không được vượt quá 20 tiếng/tuần.

3.部分實習課程為必修課程為畢業條件之一，學生因故無法完成實習課程者，可轉換為替代方案，若成績不及格者，將不給予學分；無特殊事由，學校必須協助學生完成該課程，並給予學分。

Some internship courses are compulsory requirements for graduation. If a student is unable to complete the internship course due to unavoidable circumstances, it can be replaced with an alternative arrangement. However, if the student fails to achieve a passing grade, no credit will be awarded. In the absence of any valid reason, the school must assist the student in completing the course and grant credits.

Khóa thực tập là môn học bắt buộc, là một trong những điều kiện tốt nghiệp, những sinh viên không thể hoàn thành khóa thực tập đó có thể chọn môn học tại trường để thay thế khóa thực tập, nếu như môn học thay thế đó thành tích không đạt theo yêu cầu, sẽ không được tính học phần; nếu không có lý do đặc biệt, nhà trường bắt buộc phải hỗ trợ sinh viên hoàn thành khóa học đó, và tính học phần

4.住宿：學生在學期間，學校得於校內統一安排住宿或協助學生在外賃居。學生於校外實習期間，若選擇住宿於合作企業所提供宿舍，學校及合作企業亦將安排專人管理及協助學生。

Accommodation: The University will provide suitable accommodation for all the freshman students. Accommodation for continuing students of the second year will be evaluated accordingly. During their internship, companies may provide temporary housing. The University will arrange faculty members to pay visits to students and care for their lives off campus.

Ký túc xá: Sinh viên năm thứ nhất cần ở ký túc xá do nhà trường thống nhất sắp xếp. Từ năm thứ 2, căn cứ vào điểm xếp hạng ở kí túc, sinh viên phải tiến hành đăng kí tiếp tục ở kí túc xá hoặc thuê phòng ở bên ngoài. Ngoài ra, sinh viên trong thời gian thực tập, nếu ở ký túc xá do doanh nghiệp cung cấp, nhà trường sẽ sắp xếp giáo viên tới thăm hỏi, quan tâm đời sống sinh viên.

5.收費標準：本校國際專班學生應比照本地學生，於每學期開學前需繳清當學期之各項費用方得入學。本校 2023 年學雜費及其他費用（含住宿一學期），各項費用詳如《十一、收費標準》。

Fees: Students need to pay off all related fees before they are enrolled. Fees for 2023 of students, see the chart overleaf. (in NT\$)

Tiêu chuẩn thu phí: Tiêu chuẩn thu phí của sinh viên chuyên ban giống như sinh viên bản địa, mỗi học kỳ trước khi nhập học cần nộp xong các khoản phí của học kỳ đó mới được nhập học. Tiêu chuẩn thu học phí, tạp phí và các khoản phí khác năm 2023 (gồm phí ký túc xá 1 học kỳ) chi tiết xem trong bảng sau.

6. 本校並未與任何機構合作代辦入學事宜，學生若請當地教育服務機構申辦入境手續（包含簽證、公證、體檢及機票等事宜），合理價格不應高於 2000 美金，請自行審慎評估，若有任何糾紛與本校無關。

This university does not authorize any institutes as its agents. The reasonable price for students, who ask a local agent to acquire a visa (including visa fee, authentication, physical check-up and air ticket), should not be over US\$ 2,000, and the university is not responsible for any disputes evolved.

Trường chúng tôi không hợp tác với bất kỳ cơ quan môi giới, trung tâm đại lý để làm các thủ tục nhập học liên quan, học sinh nếu thông qua các cơ quan, trung tâm môi giới làm thủ tục nhập học (gồm Visa, công chứng giấy tờ, khám sức khỏe, vé máy bay...), chi phí hợp lý kiến nghị không vượt quá cao nhất 2000USD, vui lòng xem xét cẩn thận, nếu có bất kỳ tranh chấp nào đều không liên quan đến trường chúng tôi.

7. 本人了解進入國際學生產學合作專班，須於一年級第二學期結束前通過華語文能力(TOCFL) A2 (含)級以上測驗。如未能通過華語文能力 A2 (含)級以上測驗，則學校應逕予退學。本人明白未能通過華語文能力 A2 (含)級以上測驗將受退學處分。

I agree to enter the New Southbound Industry-Academia Collaboration Special Programs, and must pass the Test of Chinese as a Foreign Language (TOCFL) A2 (including) level or above by the end of the second semester of the first grade. If I fail to pass TOCFL A2 (included) or above, I will be expelled from the school. I understand the regulation and I hereby sign this declaration.

Tôi đã hiểu rõ khi tham gia chương trình hợp tác đào tạo bậc Đại Học liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp dành cho sinh viên quốc tế, tôi sẽ phải thi lấy được chứng chỉ hoa ngữ cơ bản (TOCFL) cấp độ A2 (trở lên) trước khi kết thúc học kỳ 2 của năm nhất. Nếu không lấy được bằng A2 (trở lên) thì nhà trường sẽ cho thôi học. Tôi xin cam kết đã hiểu rõ nếu không lấy được chứng chỉ hoa ngữ cấp độ A2 (trở lên), tôi sẽ chịu sự xử lý buộc thôi học.

8. 外國學生留臺期間應遵守中華民國法律及本校各項規定，若有違反且情節重大，本校得予以勒令退學處分。

Foreign students during stay in Taiwan should abide by the laws of the ROC and the regulations of the school. If there is a violation and the issue is serious, may ordered to withdraw from school.

Sinh viên nước ngoài phải tuân thủ luật pháp của Trung Hoa Dân Quốc và các quy định của trường trong thời gian ở Đài Loan. Nếu có bất kỳ vi phạm nào nghiêm trọng, trường học có thể ra lệnh cho bạn thôi học.

9. 本須知（中英越文，一式兩份）於面試前交付學生，待學生閱畢簽名同意後，交由面試老師留存。

Two copies of this notice (written in Chinese and English) are given to each student before the interview. Students keep one copy and give the other one (with signature) to the interviewer.

Bản Các việc cần chú ý trước khi nhập học (tiếng Trung và tiếng Việt, gồm 2 bản) này sẽ được giao cho học sinh trước khi phỏng vấn, đợi học sinh đọc xong ký tên, bản giao cho giao viên phỏng vấn bảo quản.

申請人簽名/ Applicant's Signature/ Người làm đơn ký tên : _____

日期 (年/月/日) / Date (year/month/day) / Ngày tháng (năm/tháng/ngày) : _____

授權書/ Letter of Authorization/ Thư ủy quyền

我授權景文科技大學使用我所提供的資料做為申請入學、教務與學務之用

I authorize Jinwen University of Science and Technology to use the information about me in order to process my application and enrollment in JUST I authorize Jinwen University of Science and Technology to use the information about me in order to process my application and enrollment in JUST

Tôi ủy quyền trường Đại học kỹ thuật Cảnh Văn sử dụng các thông tin của tôi cung cấp để đăng ký nhập học, sử dụng trong giáo vụ và học vụ.

我授權景文科技大學查驗我所提供的所有入學資料

I authorize Jinwen University of Science and Technology to undertake a verification of the information and documents I have provided.

Tôi ủy quyền trường Đại học kỹ thuật Cảnh Văn kiểm chứng các dữ liệu nhập học mà tôi cung cấp.

景文科技大學國際與兩岸交流中心取得您的個人資料將用於您的入學申請與相關教務、學務工作之用。

International Cooperation and Cross-Strait Exchanges Center of Jinwen University of Science and Technology is collecting your personal information in order to process your application and enrollment in the Jinwen University of Science and Technology.

Trung tâm giao lưu quốc tế của trường Đại học kỹ thuật Cảnh Văn sử dụng thông tin của bạn trong việc đăng ký nhập học, và các hạng mục giáo vụ, học vụ.

申請人所填各項資料，依據中華民國「個人資料保護法」等相關法令規定為必要之資訊應用處理相關事宜。

All application materials will be protected as private information, according to the “Personal Information Protection Act” of R.O.C. and all regulations pertaining to it as deemed necessary.

Tất cả các thông tin của người đăng ký, theo “Luật bảo vệ thông tin cá nhân” và các luật pháp liên quan khác của Đài Loan, chỉ được sử dụng thông tin trong việc xử lý các vấn đề liên quan.

* 1. 所有繳交的資料均不退還，如有必要，請自行複製留存

All submitted information will not be returned, if necessary, please copy and retain it yourself.

Giấy tờ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại với bất kỳ lý do nào, học sinh tự lưu 1 bản copy.

* 2. 請確認繳交資料以中文或英文書寫

Please confirm that the information is written in Chinese or English.

Các giấy tờ nộp phải dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

* 3. 本人已詳閱、瞭解並同意上述告知及聲明事項（切結書、入學前須知事項、授權書）內容。

I fully understand the content of the declaration、Notice for Students、Letter of Authorization

Tôi hoàn toàn hiểu nội dung của tuyên bố, Giấy cam kết và Thông báo cho Sinh viên, và Thư ủy quyền.

申請人簽名/ Applicant's Signature/ Người làm đơn ký tên : _____

日期（年/月/日）/ Date（year/month/day）/ Ngày tháng（năm/tháng/ngày）：_____